

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2025/HC-PT

Ngày: 20/02/2025

Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 613/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 888/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1946; Địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1:

1. Ông Lê Quốc Đ, luật sư Công ty L1; Địa chỉ: số F ngõ A đường P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T2, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung Q, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Xuân T3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1961 (vợ ông T); Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Ông T có mặt, bà C vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị C: Ông Dương Công H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

3. Ông Trần Văn S, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn S: Ông Lê Văn K, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt.

4. Ông Trần Văn D1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D1: Ông Trần Văn S, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Dương Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Gia đình bà T1 có một mảnh đất nông nghiệp diện tích 875,2m² tại xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68 theo Bản đồ địa chính năm 2018. Nguồn gốc thửa đất là do Hợp tác xã N xã H tiến hành chia theo đầu nhân khẩu và lao động từ năm 1993 theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Từ thời điểm được giao đất từ năm 1993 đến năm 2005, gia đình bà T1 có trồng cói trên đất và trực tiếp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

Năm 2005, Hợp tác xã T7 có triển khai xây dựng dự án về nuôi trồng thủy sản với thời hạn 12 năm, do gia đình bà T1 không đủ điều kiện để nuôi trồng thủy sản nên chồng

bà T1 là ông Trần Văn C1 (chết năm 2017) cho ông Dương Văn T thuê để nuôi tôm trong vòng 12 năm với giá 1.500.000 đồng/1 sào. Đến năm 2017, gia đình bà yêu cầu ông T trả lại đất thì ông T không chịu vì ông T cho rằng ông T nhận chuyển nhượng của gia đình bà T1 lâu dài. Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (đợt H) có thu hồi diện tích đất này của gia đình bà T1, nhưng do ông T không chịu bàn giao mặt bằng nên gia đình bà không được nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất.

Tiếp đó, Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh một phần nội dung các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Tại phụ lục số 02, kèm theo quyết định nêu trên thì Ủy ban nhân dân thành phố V xác định điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án khu đô thị và nhà ở xã hội được điều chỉnh từ gia đình bà T1 sang cho ông T. Bà T1 nhận thấy, việc điều chỉnh xác nhận lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà sang ông Dương Văn T là chưa có cơ sở.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh một phần nội dung các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố K thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V đối với nội dung điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V từ gia đình bà Nguyễn Thị T1 sang gia đình ông Dương Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 bổ sung yêu cầu khởi kiện: Ngoài yêu cầu hủy Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 về việc điều chỉnh một phần nội dung các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố V khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, bà Nguyễn Thị T1 bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 5475/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T1 (lần đầu).

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:***

Căn cứ Giấy xác nhận số 103/GXNNG ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã H; đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố kèm theo phương án, hồ sơ có liên quan; kết quả kiểm tra, thẩm định của các phòng chuyên môn; Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022, điều chỉnh một phần nội dung các Quyết định số 2812/QĐ-UBND và số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy

ban nhân dân thành phố khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V. Cụ thể:

- Điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích 875,2m² từ bà Nguyễn Thị T1 sang ông Dương Văn T (diện tích bị thu hồi là 875,2m²).

- Điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ GPMB tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68 với số tiền 297.568.000 đồng từ bà Nguyễn Thị T1 sang ông Dương Văn T.

Tại thời điểm lập và phê duyệt phương án điều chỉnh, xảy ra tranh chấp dân sự liên quan đến việc bán đất của bà Nguyễn Thị T1 và ông Dương Văn T, Ủy ban nhân dân xã H đã tổ chức 02 buổi hòa giải (ngày 12/9/2021 và ngày 03/5/2022) nhưng không thành.

Ngoài số tiền được bồi thường, hỗ trợ GPMB được phê duyệt tại Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V, ông Dương Văn T còn được hỗ trợ phần tài sản trên đất với số tiền 11.418.362 đồng (gồm: nhà canh tôm, sân nền, cổng nhựa, cổng bê tông, tường xây gạch... trên cả 02 thửa đất số 36, 37 tờ bản đồ số 68).

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 2812/QĐ-UBND và Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V là đảm bảo phù hợp, đúng trình tự thủ tục theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố V giữ nguyên Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Sau khi ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V nhận được đơn khiếu nại đề ngày 02/8/2022 của bà Nguyễn Thị T1. Ngày 18/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3796/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T1. Ngày 29/8/2022, Đ1 xác minh đã trực tiếp làm việc với bà Nguyễn Thị T1 để làm rõ một số vấn đề liên quan nội dung khiếu nại và thu thập các hồ sơ tài liệu có liên quan. Từ ngày 31/8/2022, Đoàn xác minh tiếp tục làm việc với Ủy ban nhân dân xã H, Hợp tác xã N và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến các nội dung khiếu nại của công dân; đồng thời, thu thập và kiểm tra, xác minh các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quá trình sử dụng đất và quá trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với thửa đất bà Nguyễn Thị T1 đang có khiếu nại. Ngày 27/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Quyết định số 4371/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian xác minh. Ngày 10/10/2022, Đoàn xác minh đã có Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T1. Ngày 18/10/2022 và ngày 31/10/2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan nhưng công dân không đến tham gia. Ngày 07/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố

tiếp tục tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thông qua dự thảo kết quả giải quyết khiếu nại. Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Thị T1 không thống nhất hướng giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố. Ngày 22/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5475/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T1.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh và rà soát các hồ sơ, tài liệu thu thập được cho thấy:

Nguồn gốc các phần diện tích bà Nguyễn Thị T1 đang có khiếu nại là đất cói được Hợp tác xã giao khoán ổn định theo nhân khẩu cho hộ gia đình từ năm 1993 và đất cói được Hợp tác xã giao thêm ngoài diện tích giao khoán tại vùng Thập nhị từ năm 1996 tại các vị trí khác. Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc đất năm 2021, do ông Dương Văn T không cung cấp giấy tờ mua bán đất nên Ủy ban nhân dân xã H đã xác nhận là đất do các hộ góp đất để ông Dương Văn T thuê đất sản xuất NTTS tại các thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, sau đó ông Dương Văn T cung cấp giấy tờ mua, bán đất giữa các hộ với ông T trước thời điểm 01/01/2008, trong đó có hộ bà T1. Ủy ban nhân dân xã H đã kiểm tra, xác minh và đã điều chỉnh nội dung xác nhận nguồn gốc về quá trình sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất và có Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 27/6/2022 đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố, các phòng, đơn vị xem xét điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với các trường hợp có thay đổi, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T1.

Căn cứ khoản 30 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, Điều 21 Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013, việc Ủy ban nhân dân xã H điều chỉnh nội dung xác nhận nguồn gốc về quá trình sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố, các phòng, đơn vị xem xét điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đảm bảo đúng quy định. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 về việc điều chỉnh một phần nội dung các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố K thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V là đảm bảo đúng quy định.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cũng như ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T1 là đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu theo đơn khởi kiện không có cơ sở giải quyết.

**** Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H trình bày:***

Thực hiện dự án khu đô thị và nhà ở xã hội xã H, Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi thửa đất số 36, 37 tờ bản đồ số 68 tổng diện tích 5016,9m² do ông Dương Văn T, trú tại xóm T, xã H đang trực tiếp sản xuất vào mục đích NTTS.

Theo hồ sơ, tài liệu và kết quả xác minh mà Ủy ban nhân dân xã H thu thập được thì:

Thửa đất số 36, 37 tờ 68 có nguồn gốc là đất cói do Hợp tác xã N giao khoán sử dụng ổn định theo nhân khẩu cho các hộ từ năm 1993 tại vị trí khác, thực hiện dự án NTTS các hộ dân chuyển về sản xuất nhận ao tại các thửa đất này từ 2005 đến nay.

Năm 2005, thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản xuất khẩu xã H hộ bà Nguyễn Thị T1 được HTX N tính toán giao đất nuôi trồng thủy sản chuyển đổi từ đất cói giao khoán sử dụng từ năm 1993 ở vị trí khác với diện tích chuyển đổi là 875,2m². Do không có nhu cầu sản xuất nên bà Nguyễn Thị T1 đã “bán đất” cho ông Dương Văn T (hai bên đã lập giấy chứng nhận bán đất ngày 15/03/2005 có xác nhận của đội trưởng đội sản xuất).

Sau khi ông Dương Văn T nhận đất chuyển đổi của các hộ gia đình Hồ Thị H1, Trần Thị V, Trần Thị L, Nguyễn Thị T1 (Chát), Võ Đại T4 thì được Hợp tác xã N ký hợp đồng giao đất, cho thuê đất tại hợp đồng ngày 01/05/2005. Ông Dương Văn T là người trực tiếp sản xuất NTTS trên các thửa đất từ năm 2005 đến khi nhà nước thu hồi đất.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã H đã căn cứ Giấy chứng nhận bán đất giữa ông Dương Văn T và hộ bà Nguyễn Thị T1 (Chát) ngày 15/03/2005; kết quả xác minh và quy định tại khoản 1 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ để xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

Trong quá trình xác nhận nguồn gốc đất thì Ủy ban nhân dân xã H nhận được đơn, ý kiến của các hộ dân đã “bán đất” cho ông Dương Văn T nên đã tổ chức nhiều buổi làm việc để hoà giải.

Tại các buổi làm việc thì các hộ cho rằng chỉ “bán” đất cho ông Dương Văn T để NTTS theo dự án NTTS xuất khẩu Hưng Hòa trong thời hạn 12 năm, nay đã hết 12 năm nên yêu cầu “trả lại đất”; ông Dương Văn T cho rằng đã “mua” đất của các hộ “vĩnh viễn”, “lâu dài” nên không đồng ý “trả lại đất”.

Ủy ban nhân dân xã H đã tổ chức nhiều buổi làm việc để hoà giải giữa các bên, trong đó định hướng đề nghị các bên thoả thuận để phân chia tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB hiện nay một cách hợp tình, hợp lý theo từng trường hợp cụ thể. Một số trường hợp đã thống nhất hoà giải thành, một số trường hợp không thống nhất nên đã gửi đơn khởi kiện tranh chấp đến Tòa án nhân dân thành phố Vinh. Ủy ban nhân dân xã H đã có Thông báo số 62/TB- UBND ngày 07/06/2022 hướng dẫn các bên khởi kiện tranh chấp ra Tòa án nhân dân để được giải quyết theo thẩm quyền. Số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với

diện tích đang tranh chấp tạm thời chưa chi trả để chờ kết quả giải quyết cuối cùng của cấp có thẩm quyền.

Do tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự liên quan đến việc mua bán đất chuyển đổi năm 2005 nên Ủy ban nhân dân xã H không có thẩm quyền giải quyết (Ủy ban nhân dân xã H sẽ căn cứ bản án có hiệu lực pháp luật để thực hiện điều chỉnh giấy xác nhận nguồn gốc nếu cần theo quy định). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét một số yếu tố trong quá trình xét xử. Cụ thể:

- Khi thực hiện dự án NTTS xuất khẩu tại xã H năm 2005 thì các hộ muốn đủ điều kiện được giao, cho thuê đất làm hồ (gọi là chủ ao) đều phải gom đủ diện tích khoảng trên dưới 5000m³/hồ (các hộ gom bằng cách góp chung, mượn hoặc mua đất chuyển đổi của các hộ có đất nhưng không có nhu cầu hoặc không có khả năng làm hồ). Ban đầu diện tích đất chuyển đổi của mỗi hộ xã viên được ban đội tính toán trên sổ sách. Khi chủ ao gom đủ diện tích đất (từ việc mượn, góp hoặc mua của các hộ khác) thì lập danh sách báo cho Ban đội để Đội tiến hành giao đất tại thực địa.

- Ở xã H, do nhận thức về pháp luật của người dân thời điểm 2005 chưa cao nên các giấy tờ chuyển quyền quyền sử dụng đất đều không đúng quy định (giấy tờ đề là giấy chuyển nhượng (không phải cho mượn) nhưng nay bên bán thì cho rằng chỉ “bán” theo thời hạn 12 năm, bên mua là cho rằng đã nhận chuyển nhượng).

- Đất NTTS chuyển đổi là đất có nguồn gốc chuyển đổi từ đất còi được giao khoán cho các hộ theo nhân khẩu để sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 tại nơi khác, có nghĩa gốc ban đầu đất giao khoán là đất sử dụng chung của cả hộ gia đình (tính theo khẩu từ đó quy ra suất) nhưng các giấy tờ mua bán thì thường chỉ 01 người ký. Nay các hộ gia đình cho rằng 01 người ký giấy chuyển nhượng là không đúng.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày:** Năm 2005, sau khi rời khỏi quân ngũ trở về địa phương, thời điểm đó có dự án nuôi trồng thủy sản được UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã H phổ biến nội dung cho bà con xã viên và triển khai chia đất phục vụ nuôi trồng. Trong khi chia đất, có một số bà con xã viên không đủ điều kiện nuôi tôm nên đã bán lại cho những gia đình khác. Lúc đó, gia đình ông cũng mua lại đất của một số gia đình khác để đủ diện tích phần ao nuôi tôm. Trong số đó, có gia đình bà Nguyễn Thị T1 đã thỏa thuận bán đất cho gia đình ông vĩnh viễn. Việc mua bán đất giữa 2 gia đình có sự xác nhận của ban đội và giấy viết tay làm căn cứ xác minh. Trong giấy có nói rõ, gia đình bà T1 không có quyền lợi gì trên mảnh đất đã bán cho ông T.

Năm 2021, dự án Eco C lấy đất để xây dựng khu chung cư, nhà ở và các tiện ích khác nên nhà nước đã lập phương án đền bù cho dân; trong đó, diện tích đất mà bà T1 đã

bán cho gia đình ông cũng nằm trong diện quy hoạch của dự án và được đền bù. Nay gia đình bà T1 đòi quyền lợi đền bù trên diện tích đất đã bán cho gia đình ông năm 2005.

Việc ông mua đất của bà T1 là có đầy đủ giấy tờ, có bản đồ làm chứng và gia đình ông có đóng thuế đầy đủ theo Luật đất đai. Thời điểm đó gia đình ông phải đi vay ngân hàng, phải chịu lãi, đóng thuế hàng năm. Trong khi gia đình bà T1 không trả cho gia đình ông đồng thuế nào, nếu như không có dự án đi qua thì gia đình ông vẫn phải đóng thuế từ năm này qua năm khác. Việc gia đình bà T1 đề nghị Tòa án huỷ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố V là không có căn cứ. Ông không đồng ý với ý kiến của gia đình bà T1. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết hợp tình, hợp lý.

Bà Đặng Thị C đồng ý với ý kiến của ông Dương Văn T; đề nghị Tòa án giải quyết hợp tình, hợp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S và ông Trần Văn D1:**
Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1; đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 84, Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Điều 116, Điều 118, Điều 695, Điều 696 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 và Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh N; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh một phần nội dung các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố K thực hiện dự án: khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, phần liên quan đến thửa đất có diện tích 875,2m² mà đối tượng bị thu hồi đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt là bà Nguyễn Thị T1 và đối tượng bị thu hồi đất sau khi điều chỉnh là ông Dương Văn T; hủy một phần Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 và một phần Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thực hiện dự án: khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, phần liên quan đến điều chỉnh thu hồi đất và bồi thường, GPMB từ bà Nguyễn Thị T1 sang cho ông Dương Văn T; hủy Quyết định 5475/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T1. Buộc cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố V, UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Luật sư Lê Văn K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn S đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[I]. Về tố tụng:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố V, UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về thủ tục và thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Dương Văn T gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn; hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023, bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh một phần nội dung các quyết định của UBND thành phố V khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V đối với nội dung điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án từ gia đình bà Nguyễn Thị T1 sang gia đình ông Dương Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5475/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T1 (lần đầu). Xét thấy, các quyết định nêu trên là quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất, tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[II]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính:

Thực hiện dự án khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V; căn cứ vào giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất số 201/GXNNG ngày 03/03/2021 của Ủy ban nhân dân xã H; Ngày 28/5/2021, Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND và Quyết định số 2813/QĐ-UBND về việc thu

hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, trong đó thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ GPMB cho hộ bà Nguyễn Thị T1 đối với diện tích diện tích 875,2m² đất. Sau đó, căn cứ Tờ khai do ông Dương Văn T kê khai về đất đai, tài sản và cây cối hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án; Biên bản kiểm tra hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các thành phần liên quan lập ngày 16/5/2022; trên cơ sở giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất số 103/GXNNG ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã H; báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân xã H tại Công văn số 357/UBND-ĐC ngày 16/5/2022; đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V kèm theo phương án, hồ sơ có liên quan, kết quả kiểm tra, thẩm định của các phòng chuyên môn; Ngày 14/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung các Quyết định số 2812/QĐ-UBND và số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố khi thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 75 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Không đồng ý với Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND thành phố V, bà T1 làm đơn khiếu nại. Sau khi nhận được đơn khiếu nại đề ngày 02/8/2022 của bà Nguyễn Thị T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T1. Đoàn xác minh đã làm việc với bà Nguyễn Thị T1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến các nội dung khiếu nại; đồng thời thu thập và kiểm tra, xác minh các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quá trình sử dụng đất và quá trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với thửa đất bà Nguyễn Thị T1 đang có khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Ngày 22/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5475/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[2]. Về nội dung các Quyết định hành chính:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Căn cứ vào xác nhận về nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã H thì thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích 875,2m² đất được Hợp tác xã giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ thuộc đất trồng cói ổn định theo nhân khẩu cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1 từ năm 1993. Mặc dù không có các giấy tờ thể hiện việc giao khoán đất của Hợp tác xã N nhưng các đương sự đều thừa nhận nội dung này.

Ngày 15/3/2005, giữa người bán là ông Trần Văn C1, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Thị T5 và người mua là ông Dương Văn T, có lập “Giấy chứng nhận bán đất phần đất gom chuyển sang nuôi trồng thủy sản”, trong đó:

1. Ông Trần Văn C1 có số đất bán: $3,5 \text{ suất} \times 7.5 = 26.T = 2600000đ$;

2. Bà Trần Thị L có bán: $1 \text{ suất} \times 7.5 = 7.5T = 750000đ$.

Bán lâu dài; sau này quyền sử dụng mãi mãi thuộc về người mua.

Giá trị đất: 1500000 một sào - một triệu năm trăm nghìn đồng một sào trung bộ năm trăm mét vuông.

Giấy bán đất có xác nhận của Đội trưởng Ban chia đất là ông Dương Văn T6 với nội dung: “Ông T đã mua số đất của gia đình ông C1 và bà Đ2 nói trên, được thống nhất ký giữa 2 bên nay đội đưa vào sổ để chia đất hồ tôm cho ông Dương Văn T được sử dụng lâu dài”.

Ngày 11/5/2005, Hợp tác xã N đã ký Hợp đồng (giao đất, cho thuê đất nuôi trồng thủy sản xuất khẩu thuộc dự án NTTS xuất khẩu xã H) với ông Dương Văn T, diện tích $4.583m^2$ tại xứ đồng Hạ Vỹ, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/05/2005 đến ngày 30/10/2017. Ông Dương Văn T sử dụng diện tích đất được Hợp tác xã giao khoán (trong đó có thửa số 37, tờ bản đồ số 68) từ ngày 01/05/2005 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

[2.2]. Trên cơ sở Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất số 201/GXNNG ngày 03/3/2021 của UBND xã H xác định chủ sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích $875,2m^2$ đất là bà Nguyễn Thị T1. Ngày 28/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND về việc thu hồi đất chi tiết thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (đợt 8) và Quyết định số 2813/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án. Theo đó, UBND thành phố V thu hồi và bồi thường $875,2m^2$ đất nuôi trồng thủy sản của gia đình bà T1 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68 xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ngày 03/5/2022, ông Dương Văn T cung cấp “Giấy chứng nhận bán đất” đề ngày 15/5/2005 giữa bên bán là ông Trần Văn C1 với bên mua là ông Dương Văn T. Ngày 12/5/2022, UBND xã H đã tiến hành xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất tại Giấy xác nhận số 103/GXNNG xác nhận điều chỉnh đối tượng sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68 xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là ông Dương Văn T. Căn cứ vào Giấy xác nhận số 103/GXNNG ngày 12/5/2022 của UBND xã H, báo cáo đề xuất của UBND xã H tại Công văn số 357/UBND-ĐC ngày 16/5/2022 về việc đề nghị điều chỉnh đối tượng sử dụng đất; căn cứ vào Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 16/5/2022, Tờ trình số 977/TTr-PTQĐ ngày 12/7/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kèm theo phương án, hồ sơ có liên quan, kết quả kiểm tra, thẩm định; ngày 14/7/2022, UBND thành

phố V đã ban hành Thông báo số 285/TB-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Thông báo thu hồi đất số 276/TB-UBND ngày 02/7/2020 của UBND và Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung các Quyết định số 2812/QĐ-UBND và Quyết định số 2813/QĐ-UBND của UBND thành phố V về việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo đó đối tượng bị thu hồi đất sau khi điều chỉnh là ông Dương Văn T với diện tích đất bị thu hồi là 875,2m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 38.

[2.3]. Ông Dương Văn T căn cứ vào “Giấy chứng nhận bán đất” đề ngày 15/5/2005 giữa bên bán là ông Trần Văn C1 và bên mua là ông Dương Văn T cho rằng gia đình bà T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho gia đình ông. Bà Nguyễn Thị T1 cho rằng không có việc chuyển nhượng mà chỉ cho ông T thuê đất.

Xét “Giấy chứng nhận mua bán đất” đề ngày 15/5/2005 giữa bên bán là ông Trần Văn C1 và bên mua là ông Dương Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích 875,2m² là đất cói được Hợp tác xã Nông nghiệp 2 xã H giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ổn định theo nhân khẩu cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1 từ năm 1993, nên diện tích đất này được giao cho các thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1 gồm ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Văn D1, anh Trần Văn S. Ông Trần Văn C1 tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T cả phần diện tích đất của các thành viên khác trong gia đình mà không được những người này đồng ý; bà T1, anh D1, anh S không thừa nhận việc biết ông C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T và cũng không sử dụng số tiền ông C1 thu được từ việc chuyển nhượng này; giấy chứng nhận bán đất cũng không được công chứng, chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn C1 và ông Dương Văn T đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích 875,2m² là không đúng quy định tại các Điều 116, Điều 118, Điều 695, Điều 696 Bộ luật dân sự năm 1995. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã H xác nhận lại nguồn gốc đất tại Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất số 103/GXNNG ngày 12/5/2022 là không đúng, dẫn đến việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành các quyết định hành chính tiếp theo là không chính xác. Cụ thể:

Tại các Quyết định số 2812/QĐ-UBND và số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V thể hiện bà Nguyễn Thị T1 (Trần Văn C1) có diện tích bị thu hồi là 875,2m²; tổng giá trị bồi thường là 297.568.000 đồng (trong đó bồi thường đất nông nghiệp là 74.392.000 đồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 148.784.000 đồng, hỗ trợ khác đối với đất giao khoán: 74.392.000 đồng) đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V lại điều chỉnh một phần với nội dung: Đối tượng bị thu hồi đất sau khi điều

chính là ông Dương Văn T với diện tích 875,2m² đất NTTS tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68; đối tượng bị thu hồi đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt là bà Nguyễn Thị T1 (Trần Văn C1).

Như vậy, Quyết định số 2812/QĐ-UBND và Quyết định số 2813/QĐ- UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V có một phần nội dung liên quan đến việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị T1 và bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị T1 và Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V điều chỉnh Quyết định số 2812/QĐ-UBND và số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 để bồi thường cho ông Dương Văn T, trong khi thửa đất số 37, tờ bản đồ số 68, diện tích 875,2m² đang có tranh chấp, chưa xác định rõ ai là người sử dụng đất là không đúng quy định tại quy định tại các Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 84, Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 và Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Do vậy, Quyết định 5475/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T1 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố V, tỉnh Nghệ An, hủy Quyết định 5475/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T1; đồng thời hủy một phần quyết định hành chính liên quan là Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V liên quan đến điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ GPMB từ bà Nguyễn Thị T1 sang cho ông Dương Văn T là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Quyết định số 2812/QĐ- UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất, phần liên quan đến bà Nguyễn Thị T1 (ông Trần Văn C1) là quyết định hành chính liên quan nên cũng cần phải hủy bỏ mới giải quyết triệt để vụ án.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Dương Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Dương Văn T.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải